

PHỤ LỤC 2

**Phân công nhiệm vụ khắc phục tồn tại, hạn chế Chỉ số chuyển đổi số năm 2023
và nhiệm vụ, giải pháp nâng cao Chỉ số chuyển đổi số năm 2024**
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân Huyện)

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa theo Quyết định số 79/QĐ-UBND	Điểm TP công bố năm 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Các xác định và tính điểm	Giải pháp
1	Nhận thức số	60	60				
1.1	Người đứng đầu Huyện là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số	10	10	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	TTDL và UDCNTT Huyện, Phòng VH và TT	- Trưởng ban là Bí thư/Chủ tịch Huyện: Điểm tối đa - Trưởng ban là Phó Bí thư/Phó Chủ tịch Huyện: 1/2*Điểm tối đa; - Chưa có Ban chỉ đạo hoặc có nhưng Trưởng ban không phải Lãnh đạo Huyện: 0 điểm	1. Đề xuất đồng chí Chủ tịch UBND Huyện tham gia và chủ trì các cuộc họp về Chuyển đổi số. 2. Văn phòng HĐND và UBND Huyện lập danh sách, biên bản, thông báo kết luận các cuộc họp để phục vụ cho công tác kiểm chứng.
1.2	Bí thư/Chủ tịch Huyện chủ trì các cuộc họp về Chuyển đổi số của Huyện	10	10	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	TTDL và UDCNTT Huyện, Phòng VH và TT	a= Số cuộc họp CDS của Huyện có Bí thư/Chủ tịch Huyện chủ trì b= Tổng số cuộc họp CDS của Huyện - Tỷ lệ = a/b - Điểm= Tỷ lệ*Điểm tối đa	
1.3	Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu Huyện (Chủ tịch Huyện) ký	10	10	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Phòng VH và TT, TTDL và UDCNTT Huyện	a=Số lượng văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu Huyện (Chủ tịch Huyện) ký; b=Tổng số lượng văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số của Huyện theo yêu cầu của Thành phố; - Tỷ lệ=a/b - Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa	

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa theo Quyết định số 79/QĐ-UBND	Điểm TP công bố năm 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Các xác định và tính điểm	Giải pháp
							ban hành.
1.4	Cổng/Trang thông tin điện tử của Huyện có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	10	10	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Công an Huyện, Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Huyện; Ủy ban nhân dân xã, thị trấn	- Đã có chuyên mục và số lượng tin, bài về Chuyển đổi số trong năm đạt: + Từ 20 trở lên: điểm tối đa; + Từ 10 đến 19: 1/2 *Điểm tối đa; + Dưới 10: 1/4* Điểm tối đa; + Chưa có chuyên mục: 0 điểm	1. Đăng tải các văn bản chỉ đạo của Huyện về chuyển đổi số, các tin bài có liên quan trên Cổng thông tin điện tử Huyện 2. Cung cấp ít nhất 03 tin, bài/tháng.
1.5	Hệ thống truyền thanh cơ sở có tổ chức thực hiện tuyên truyền về chuyển đổi số	20	20	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông Huyện	Phòng VH và TT	- Tần suất phát sóng từ 1 lần/1 tuần: Điểm tối đa; - Tần suất phát sóng từ 1 tháng/1 lần đến dưới 1 lần/1 tuần: 1/2 Điểm tối đa; - Tần suất phát sóng dưới 1 tháng/1 lần: 0 điểm	1. Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông Huyện xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số Huyện Bình Chánh”; tiếp/phát sóng các chuyên mục về chuyển đổi số, đảm bảo tần suất phát sóng 1 lần/tuần. 2. Phòng VH và TT cung cấp các văn bản do UBND Huyện, Thành phố ban hành liên quan chuyển đổi số gửi Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông Huyện để thực hiện chuyên mục.
2	Thể chế số	50	40				
2.1	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của Cấp ủy về chuyển đổi số	5	5	TTDL và UDCNTT Huyện, Phòng VH và TT	Văn phòng Huyện ủy, Văn phòng HĐND và UBND Huyện	- Đã ban hành: Điểm tối đa - Chưa ban hành: 0 điểm	Tiếp tục triển khai theo Kế hoạch đã ban hành
2.2	Kế hoạch 5 năm của Huyện về chuyển đổi số	5	5		Văn phòng Huyện ủy, Văn phòng HĐND và UBND Huyện	- Đã ban hành: Điểm tối đa - Chưa ban hành: 0 điểm	

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa theo Quyết định số 79/QĐ-UBND	Điểm TP công bố năm 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Các xác định và tính điểm	Giải pháp
2.3	Kế hoạch hằng năm của Huyện về chuyển đổi số	10	10			- Đã ban hành: Điểm tối đa - Chưa ban hành: 0 điểm	
2.4	Có cán bộ tham gia hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử do Thành phố tổ chức	10	10	Phòng Nội vụ	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã - thị trấn	a= Số cán bộ tham gia hội nghị, hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử do Thành phố tổ chức b= Tổng số cán bộ của Huyện -Tỷ lệ=a/b -Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa	Các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức tập huấn theo đúng thành phần kế hoạch tập huấn do Thành phố tổ chức
2.5	Có sáng kiến khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)	10	10	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã - thị trấn	- Đã ban hành: Điểm tối đa - Chưa ban hành: 0 điểm	Văn phòng HĐND và UBND Huyện chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tham mưu có giải pháp khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
2.6	Có sáng kiến khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	10	0	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Phòng Kinh tế, Hội Doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn	- Đã ban hành: Điểm tối đa - Chưa ban hành: 0 điểm	Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Kinh tế, Hội Doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tham mưu có giải pháp khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện chuyển đổi số.
3	Hạ tầng số	70	70				
3.1	Tỷ lệ CBCC của cơ quan, đơn vị được trang bị máy tính	5	5	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	Trên 80%: đạt điểm tối đa <80%: 0 điểm	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa theo Quyết định số 79/QĐ-UBND	Điểm TP công bố năm 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Các xác định và tính điểm	Giải pháp
3.2	Tỷ lệ máy tính kết nối Internet (trừ các máy tính xử lý tài liệu mật)	5	5	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	Trên 80%: đạt điểm tối đa <80%: 0 điểm	
3.3	Các ứng dụng chuyên ngành triển khai trên hạ tầng Trung tâm dữ liệu Thành phố	30	30	TTDL và UDCNTT Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	Trên 80%: 30 điểm Từ 50% - 80%: 150 điểm Dưới 50%: 0 điểm	
3.4	Mức độ sử dụng các hệ thống dùng chung	30	30	TTDL và UDCNTT Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	- a= Số lượng nền tảng số dùng chung đã triển khai; - b=Số lượng nền tảng số tối thiểu theo danh mục yêu cầu; - Tỷ lệ=a/b; - Điểm=Tỷ lệ* 1/2*Điểm tối đa 2. Mô hình triển khai - c= Số lượng nền tảng số triển khai tập trung trên Trung tâm dữ liệu; - d=Số lượng nền tảng số; - Tỷ lệ=c/d; - Điểm=Tỷ lệ* 1/2*Điểm tối đa Danh mục nền tảng số theo yêu cầu: 1) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Thành phố (LGSP) 2) Nền tảng tích hợp, chia sẻ Kho dữ liệu dùng chung 3) Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị người dân qua tổng đài 1022 4) Nền tảng họp trực tuyến 5) Hệ thống Dashboard theo dõi Kinh tế - Xã hội 6) Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính Thành phố 7) Hệ thống Khai phá dữ liệu thành phố	

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa theo Quyết định số 79/QĐ-UBND	Điểm TP công bố năm 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Các xác định và tính điểm	Giải pháp
4	Nhân lực số	60	37,83				
4.1	Tỷ lệ xã/thị trấn có Tổ công nghệ số cộng đồng	10	10	Phòng VH và TT	UBND xã - thị trấn	a=Số xã/thị trấn có tổ công nghệ số cộng đồng b= Tổng xã/thị trấn trên địa bàn Huyện - Tỷ lệ=a/b - Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được.
4.2	Tỷ lệ ấp/khu phố có tổ công nghệ số cộng đồng	10	10			a=Số ấp/khu phố có tổ công nghệ số cộng đồng b= Tổng số ấp/khu phố trên địa bàn Huyện - Tỷ lệ=a/b - Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa	
4.3	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số	10	1,23	Phòng Nội vụ	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã - thị trấn	a= Số lượng công chức chuyên trách về chuyển đổi số; b= Số lượng công chức kiêm nhiệm về chuyển đổi số; c= Số lượng viên chức chuyên trách về chuyển đổi số; d= Số lượng viên chức kiêm nhiệm về chuyển đổi số; e= Tổng số công chức; f= Tổng số viên chức; - Tỷ lệ=(a+b+c+d)/(e+f); - Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa	Phòng Nội vụ rà soát, tham mưu UBND Huyện chỉ đạo các đơn vị bố trí công chức, viên chức chuyên trách kiêm nhiệm về thực hiện chuyển đổi số.
4.4	Công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về an toàn thông tin mạng	10	10	Phòng Nội vụ	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã - thị trấn	Có: Điểm tối đa Không: 0 điểm	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được
4.5	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	10	0	Phòng Nội vụ	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã - thị trấn	a= Số lượng công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số; b= Tổng số công chức, viên chức; - Tỷ lệ=a/b; - Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa	1. Giao Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế của Huyện.

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa theo Quyết định số 79/QĐ-UBND	Điểm TP công bố năm 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Các xác định và tính điểm	Giải pháp
							2. Tổng hợp danh sách đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số để phục vụ công tác kiểm chứng số liệu.
4.6	Tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số	5	1,6	Phòng VH và TT	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã - thị trấn	a= Số lượng người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số; b= Tổng số người trong độ tuổi lao động; - Tỷ lệ=a/b; - Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa	- Rà soát người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản qua các kênh trực tiếp (Hội nghị, hội thảo, tọa đàm,...) hoặc trực tuyến (truyền hình, nền tảng học trực tuyến, mạng xã hội,...). - Một số cách thức, phương pháp triển khai như: + Tổ chức phổ biến tập trung, trực tiếp; + Tổ chức phổ biến trên các nền tảng học trực tuyến cho người dân; + Đăng tải tài liệu có liên quan lên Trang Thông tin điện tử (mở chuyên mục “Phổ cập kỹ năng số”) và thông báo cho toàn thể người dân trên địa bàn biết, truy cập, đọc, xem; + Thông qua các Tổ công nghệ số cộng đồng để truyền tải tài liệu phổ cập đến người dân.
4.7	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học cơ sở thực hiện chuyển đổi số	5	5	Phòng GD và ĐT	Các trường học thuộc quản lý của Huyện trên địa bàn	a= Số lượng các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học cơ sở thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn; b= Tổng số các cơ sở giáo dục từ tiểu	Phòng GD và ĐT triển khai thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Sở GD và ĐT

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa theo Quyết định số 79/QĐ-UBND	Điểm TP công bố năm 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Các xác định và tính điểm	Giải pháp
	(hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).					học đến trung học cơ sở trên địa bàn; - Tỷ lệ = a/b - Điểm = + Tỷ lệ $\geq 50\%$: điểm tối đa; + Tỷ lệ $< 50\%$: Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa / 50%	
5	An toàn thông tin mạng	35	2,37				
5.1	Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ	10	0	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào đơn vị nào nhiều hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ nhất thì điểm tối đa và giảm dần	Xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông
5.2	Số lượng hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt	10	0			a= Số lượng hệ thống thông tin đã triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo HSĐXCĐ đã được phê duyệt; b= Tổng số hệ thống thông tin đã được phê duyệt; - Tỷ lệ = a/b; - Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa	
5.3	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017	10	1,58			a= Số lượng HTTT của CQNN đã được kiểm tra, đánh giá; b= Tổng số hệ thống thông tin; - Tỷ lệ = a/b; - Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa	Tổ chức rà soát, đánh giá các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đảm bảo đầy đủ theo quy định Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông
5.4	Số lượng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng	5	0,79			a= Số lượng các hệ thống thông tin có các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng; b= Tổng số hệ thống thông tin;	Rà soát, thống kê các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa theo Quyết định số 79/QĐ-UBND	Điểm TP công bố năm 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Các xác định và tính điểm	Giải pháp
						- Tỷ lệ=a/b; - Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa	
6	Hoạt động chính quyền số	185	180,56				
6.1	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	10	8	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	UBND các xã - thị trấn	- Đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định: 4/5*Điểm tối đa; - Đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6: 1/5 *Điểm tối đa; - Chưa đáp ứng, chưa chuyển đổi: 0 điểm	Tham mưu đề xuất Cổng thông tin điện tử chuyển đổi sang công nghệ Ipv6
6.2	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến	10	7,56	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	a= Tổng số DVCTT mức 3 có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến); b= Tổng số DVCTT mức 4 có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến); c= Tổng số DVCTT mức 3 có phát sinh hồ sơ trực tuyến; d= Tổng số DVCTT mức 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến; - Tỷ lệ=(c+d)/(a+b) - Điểm=Tỷ lệ*Điểm tối đa	1. Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến. 2. Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đăng ký, tạo tài khoản qua Dịch vụ công quốc gia hoặc sử dụng tài khoản định danh mức độ 2 để thực hiện nộp hồ sơ thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.
6.3	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến	20	20	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	a= Tổng số hồ sơ giải quyết DVC (gồm cả 4 mức độ) trong năm của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố; b= Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT mức độ 3; c= Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT mức độ 4; - Tỷ lệ=(b+c)/a - Điểm= + Tỷ lệ>=50%: Điểm tối đa; + Tỷ lệ<50%: Tỷ lệ/50%*Điểm tối đa	

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa theo Quyết định số 79/QĐ-UBND	Điểm TP công bố năm 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Các xác định và tính điểm	Giải pháp
6.4	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT	5	5	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	a= Tổng số người dân tham gia đánh giá mức độ hài lòng; b= Số lượng người dân đánh giá là hài lòng khi sử dụng DVCTT; - Tỷ lệ =b/a - Điểm= + Tỷ lệ ≥90%: Điểm tối đa; + Tỷ lệ <90%: Tỷ lệ/90%*Điểm tối đa	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã - thị trấn tuyên truyền người dân đánh giá mức độ hài lòng về sử dụng DVCTT trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố.
6.5	Sử dụng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Thành phố (LGSP)	10	10	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	- Có sử dụng: Điểm tối đa; - Chưa sử dụng: 0 điểm	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được
6.6	Sử dụng Nền tảng tích hợp, chia sẻ Kho dữ liệu dùng chung	10	10	TTDL và UDCNTT Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	- Có sử dụng: Điểm tối đa; - Chưa sử dụng: 0 điểm	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được
6.7	Sử dụng Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị người dân qua tổng đài 1022	10	10	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	- Có sử dụng: Điểm tối đa; - Chưa sử dụng: 0 điểm	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được
6.8	Sử dụng Nền tảng họp trực tuyến	10	10	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	- Có sử dụng: Điểm tối đa; - Chưa sử dụng: 0 điểm	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được
6.9	Sử dụng Hệ thống Dashboard theo dõi Kinh tế - Xã hội	10	10	TTDL và UDCNTT Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	- Có sử dụng: Điểm tối đa; - Chưa sử dụng: 0 điểm	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được
6.10	Sử dụng Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính Thành phố	10	10	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	- Có sử dụng: Điểm tối đa; - Chưa sử dụng: 0 điểm	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được
6.11	Sử dụng Hệ thống Khai phá dữ liệu thành phố	10	10	TTDL và UDCNTT Huyện	Các cơ quan chuyên môn,	- Có sử dụng: Điểm tối đa; - Chưa sử dụng: 0 điểm	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa theo Quyết định số 79/QĐ-UBND	Điểm TP công bố năm 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Các xác định và tính điểm	Giải pháp
					UBND các xã - thị trấn		
6.12	Sử dụng nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp	10	10	TTDL và UDCNTT Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	- Có sử dụng: Điểm tối đa; - Chưa sử dụng: 0 điểm	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được
6.13	Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến trên tổng số hồ sơ được giải quyết (tính theo thủ tục hành chính được đưa vào trực tuyến) hàng năm	10	10	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	a = Tổng số hồ sơ được xử lý trực tuyến trên tổng số hồ sơ được giải quyết (Năm báo cáo) b = Tổng số hồ sơ được xử lý trực tuyến trên tổng số hồ sơ được giải quyết (Năm trước) Tỷ lệ = (a/b)% - 100% - Tỷ lệ $\geq 10\%$: Điểm = Điểm tối đa - Tỷ lệ $< 10\%$: Điểm = Tỷ lệ/10%* điểm tối đa	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được
6.14	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại Huyện được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	10	10	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	a= Số hồ sơ công việc được giải quyết trên môi trường mạng b= Tổng số hồ sơ công việc của đơn vị (gọi là b) -Tỷ lệ=a/b -Tỷ lệ $\geq 80\%$: Điểm tối đa - Tỷ lệ $< 80\%$: Tỷ lệ/80% *Điểm tối đa	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được
6.15	Tỷ lệ giải quyết phản ánh kiến nghị của người dân về Tổng đài 1022	20	20	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	a = Số lượng PAKN được xử lý đúng hạn b = Tổng số lượng PAKN do huyện tiếp nhận, xử lý Tỷ lệ = a/b Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được
6.16	Cập nhật dữ liệu về chỉ tiêu kinh tế - xã hội cấp Huyện về Hệ thống thông tin kinh tế xã hội cấp Thành phố Hồ Chí Minh	20	20	TTDL và UDCNTT Huyện	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã - thị trấn	a = Số lượng chỉ tiêu được cập nhật về hệ thống b = Tổng số lượng chỉ tiêu theo QĐ 54/QĐ-TTg Tỷ lệ = a/b Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa theo Quyết định số 79/QĐ-UBND	Điểm TP công bố năm 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Các xác định và tính điểm	Giải pháp
7	Hoạt động kinh tế số	90	78,36				
7.1	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	30	30	Phòng TC - KH	Hội doanh nghiệp Huyện, Phòng Kinh tế	a = Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số trên địa bàn b = Tổng số Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn; Tỷ lệ = a/b. Tỷ lệ $\geq 50\%$: điểm tối đa Tỷ lệ $< 50\%$: điểm = Điểm tối đa * tỷ lệ /50%	Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Kinh tế, Chi cục thuế, Hội doanh nghiệp Huyện tham mưu có giải pháp khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số, sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử.
7.2	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	30	22,67	Chi cục Thuế	Phòng TC - KH, Phòng Kinh tế, Hội doanh nghiệp Huyện, UBND các xã - thị trấn	a = Số lượng doanh nghiệp sử dụng Hợp đồng điện tử trên địa bàn b = Tổng số Doanh nghiệp trên địa bàn; Tỷ lệ = a/b. Tỷ lệ $\geq 80\%$: điểm tối đa Tỷ lệ $< 80\%$: điểm = Điểm tối đa * tỷ lệ /80%	- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, vận động doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử. - Triển khai thực hiện giải pháp khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số, sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử.
7.3	Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử	30	25,68	Chi cục Thuế	Phòng TC - KH, Phòng Kinh tế, Hội doanh nghiệp Huyện, UBND các xã - thị trấn	a = Số lượng doanh nghiệp nộp thuế điện tử b = Tổng số Doanh nghiệp; Tỷ lệ = a/b. Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa	
8	Hoạt động xã hội số	90	55,61				
8.1	Số lượng người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử	20	9,22	Công an Huyện	UBND các xã - thị trấn	a= Số người có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử; b= Tổng dân số; - Tỷ lệ=a/b; - Điểm: Tỷ lệ*Điểm tối đa	Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các hạng mục, chỉ tiêu Đề án 06 để tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt hiệu quả. Có giải pháp tăng số lượng người dân có danh

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa theo Quyết định số 79/QĐ-UBND	Điểm TP công bố năm 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Các xác định và tính điểm	Giải pháp
							tính số/tài khoản định danh điện tử.
8.2	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	20	20	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngân hàng/chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn Huyện	UBND các xã - thị trấn	a= Số người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch đang còn hoạt động tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác; b= Tổng dân số từ 15 tuổi trở lên; - Tỷ lệ=a/b; - Điểm: + Tỷ lệ $\geq 60\%$: Điểm = Điểm tối đa; + Tỷ lệ $< 60\%$: Điểm = Tỷ lệ/60%*Điểm tối đa	Khuyến khích, hỗ trợ tạo tài khoản giao dịch tại ngân hàng cho người dân từ độ tuổi 15 trở lên, đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu 60% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.
8.3	Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	20	1,81	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Phòng VH và TT, UBND các xã - thị trấn	a= Số người có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử; b= Tổng dân số từ 15 tuổi trở lên; - Tỷ lệ=a/b - Điểm: + Tỷ lệ $\geq 50\%$: Điểm tối đa; + Tỷ lệ $< 50\%$: Tỷ lệ/50%*Điểm tối đa	- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân thực hiện đăng ký tài khoản định danh VNeID mức 2, đăng ký sử dụng chữ ký số công cộng. - Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông cung ứng miễn phí chữ ký số công cộng cho người dân sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thành phố, Chính phủ.
8.4	Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	10	4,58	Phòng VH và TT	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã - thị trấn	a= Số lượng người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản; b= Tổng dân số trong độ tuổi lao động; - Tỷ lệ=a/b; - Điểm: + Tỷ lệ $\geq 70\%$: Điểm tối đa; + Tỷ lệ $< 70\%$: Tỷ lệ/70%*Điểm tối đa.	Các đơn vị triển khai nhiệm vụ, kế hoạch của ngành chủ động lồng ghép nội dung đào tạo kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông cho người dân.
8.5	Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà	20	20	Văn phòng HĐND và UBND Huyện	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự	- Danh sách những hoạt động mà người dân cùng tham gia giải quyết vấn đề với chính quyền trên kênh trực	Tiếp tục duy trì kết quả đạt được

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa theo Quyết định số 79/QĐ-UBND	Điểm TP công bố năm 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Các xác định và tính điểm	Giải pháp
	nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền				ngành, UBND các xã - thị trấn	tuyển; - Hoạt động mà người dân tham gia giải quyết hiệu quả khi có 80% phản ánh là chính xác và được giải quyết; - Mỗi hoạt động hiệu quả: 1 điểm; - Tổng điểm không quá Điểm tối đa	
9	Đô thị thông minh	20	20				
9.1	Xây dựng Trung tâm điều hành đô thị thông minh huyện	20	20	Trung tâm Dữ liệu và UDCNTT	Các cơ quan, đơn vị, UBND xã - thị trấn	- Đã triển khai: Điểm tối đa - Đang triển khai: 1/2 điểm tối đa - Chưa triển khai: 0 điểm	Tiếp tục triển khai thực hiện

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH